

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		270.452.480.422	202.813.227.526
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	90.436.205.068	80.587.505.417
1. Tiền	111		18.490.858.551	39.146.644.030
2. Các khoản tương đương tiền	112		71.945.346.517	41.440.861.387
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	76.939.867.013	84.669.422.765
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		41.149.622.722	61.074.415.655
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.184.158.954	1.941.931.178
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		177.000.000	177.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		35.957.879.306	27.004.869.901
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5.569.793.969)	(5.569.793.969)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		41.000.000	41.000.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	102.323.022.017	36.453.354.333
1. Hàng tồn kho	141		102.645.008.054	36.775.340.370
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(321.986.037)	(321.986.037)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.4	753.386.324	1.102.945.011
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		90.340.082	124.055.136
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		663.046.242	893.881.965
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	85.007.910
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.124.051.781	109.330.729.421
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.5	18.918.431.393	18.918.431.393
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		18.918.431.393	18.918.431.393
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		18.704.414.431	19.558.015.748
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	18.427.122.256	19.266.129.248
- Nguyên giá	222		26.447.256.306	26.447.256.306
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.020.134.050)	(7.181.127.058)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	277.292.175	291.886.500
- Nguyên giá	228		350.263.800	350.263.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(72.971.625)	(58.377.300)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.8	802.108.000	802.108.000
- Nguyên giá	231		802.108.000	802.108.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		286.963.872	285.083.295
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	286.963.872	285.083.295
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	63.461.999.169	63.758.889.542

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
1. Đầu tư vào công ty con	251		77.519.345.695	77.519.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		260.000.000	260.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(14.317.346.526)	(14.020.456.153)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.950.134.916	6.008.201.443
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2.843.042.899	835.819.065
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	5.107.092.017	5.172.382.378
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		380.576.532.203	312.143.956.947

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		206.346.536.101	148.032.830.451
I. Nợ ngắn hạn	310	V.13	186.812.756.101	145.011.830.451
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		28.613.245.805	50.087.891.603
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		32.588.166.250	39.194.157.000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		2.590.741.334	2.657.541.905
4. Phải trả người lao động	314		2.197.369.233	2.837.296.105
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		29.086.379.013	30.810.859.241
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		686.590.909	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		3.082.859.368	3.042.747.983
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		86.810.867.861	14.144.618.537
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		596.526.771	574.511.280
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		560.009.557	1.662.206.797
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330	V.14	19.533.780.000	3.021.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		19.533.780.000	3.021.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174.229.996.102	164.111.126.496
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	174.229.996.102	164.111.126.496
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	10.700.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.489.791.061	28.489.791.061
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.040.205.041	24.921.335.435
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.921.335.435	641.766.723
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.118.869.606	24.279.568.712
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		380.576.532.203	312.143.956.947

Tiền Giang, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ MINH THU


LÊ MỸ PHƯỢNG


TRẦN HOÀNG HUÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	31.245.524.404	21.606.214.775	31.245.524.404	21.606.214.775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.539.091	-	1.539.091	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		31.243.985.313	21.606.214.775	31.243.985.313	21.606.214.775
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	24.749.120.105	17.225.544.979	24.749.120.105	17.225.544.979
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.494.865.208	4.380.669.796	6.494.865.208	4.380.669.796
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		8.494.420.193	4.785.986.670	8.494.420.193	4.785.986.670
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	537.882.336	4.269.380.699	537.882.336	4.269.380.699
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		240.991.963	69.765.327	240.991.963	69.765.327
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	437.828.936	452.106.569	437.828.936	452.106.569
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.891.161.135	1.929.596.844	2.891.161.135	1.929.596.844
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		11.122.412.994	2.515.572.354	11.122.412.994	2.515.572.354
11. Thu nhập khác	31		50.662.815	93.932.116	50.662.815	93.932.116
12. Chi phí khác	32	VI.6	35.282.520	-	35.282.520	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2015

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		15.380.295	93.932.116	15.380.295	93.932.116
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.137.793.289	2.609.504.470	11.137.793.289	2.609.504.470
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		953.633.322	364.762.987	953.633.322	364.762.987
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.7	65.290.361	-	65.290.361	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.118.869.606	2.244.741.483	10.118.869.606	2.244.741.483
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.8	1.012	224	1.012	224
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Ngày 17 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ MINH THU

Kế toán trưởng



LÊ MỸ PHƯỢNG

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.137.793.289	2.609.504.470
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		853.601.317	568.187.531
- Các khoản dự phòng	03		318.905.864	4.217.520.171
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		9.468.214	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.067.860.301)	4.320.693.118
- Chi phí lãi vay	06		240.991.963	69.765.327
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.492.900.346	11.785.670.617
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.707.677.985	21.169.180.629
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(65.869.667.684)	(3.980.695.978)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(31.392.441.631)	(9.461.170.343)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.973.508.780)	(299.540.322)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(240.991.963)	(69.765.327)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		876.910.699	(23.062.300)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			(1.135.409.561)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.102.197.240)	(302.097.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(79.501.318.268)	17.683.110.175
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(171.534.531)	(618.976.538)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		351.991.340	465.293.552
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		180.456.809	(153.682.986)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		101.231.367.383	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.052.338.059)	(4.007.157.292)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		89.179.029.324	(4.007.157.292)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		9.858.167.865	13.522.269.897
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		80.587.505.417	18.443.408.303
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.468.214)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		90.436.205.068	31.965.678.200


Tiền Giang, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 NGUYỄN THỊ MINH THU


 LÊ MỸ PHƯỢNG



 TRẦN HOÀNG HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 09 năm 2014.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 05 (năm) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng, Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi, Xí nghiệp Thi công Cơ Giới có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại 166 đường Ấp Bắc, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2015 là 141 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 09 năm 2014, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;

- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

3. Cấu trúc tập đoàn

3.1. Các công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	90 Đình Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	75,42%	75,42%

3.2. Công ty liên kết

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô số 1, 2, 3 khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền	20,00%	20,00%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng báo cáo này lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo chuẩn mực kế toán Việt nam số 27-Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Tiền và tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	02 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

6. Bất động sản đầu tư

Bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty, được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung - Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m² và 103,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30 tháng 11 năm 2004.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài nên không tính khấu hao.

7. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phân loại các khoản đầu tư

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con.
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các đơn vị khác được trích lập khi các đơn vị này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các đơn vị này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

9. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

12. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản nợ dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư tài chính dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Long Thạnh Hưng và khu dân cư đường Trương Định nối dài, Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết và công chứng đồng thời thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua đã được hoàn tất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	<u>31/03/2015</u>		<u>01/01/2015</u>
Tiền mặt tại quỹ	632.931.465		600.310.193
Tiền gửi ngân hàng	17.857.927.086		38.546.333.837
+ Tiền gửi VND	17.770.906.638		38.449.870.729
+ Tiền gửi USD	8.610.124 (1.1)		8.544.591
+ Tiền gửi EUR	78.410.324 (1.2)		87.918.517
Các khoản tương đương tiền	71.945.346.517 (1.3)		41.440.861.387
Cộng	<u>90.436.205.068</u>		<u>80.587.505.417</u>

(1.1) Tương đương 399,82 USD.

(1.2) Tương đương 3.391,45 EUR.

(1.3) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>31/03/2015</u>		<u>01/01/2015</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	41.149.622.722 (2.1)		61.074.415.655
Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.184.158.954 (2.2)		1.941.931.178
Phải thu về cho vay ngắn hạn	177.000.000 (2.3)		177.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	35.957.879.306 (2.4)		27.004.869.901
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(5.569.793.969) (2.5)		(5.569.793.969)
Tài sản thiếu chờ xử lý	41.000.000		41.000.000
Cộng	<u>76.939.867.013</u>		<u>84.669.422.765</u>

(2.1) Phải thu ngắn hạn các khách hàng sau:

Sở Nông Nghiệp & PTNT Trà Vinh	10.712.053.000
BQL Các DA ĐT và Xây dựng chuyên ngành NN Kiên Giang	7.224.779.000
BQL các DA ĐT và XD huyện Chợ Gạo	3.238.385.000
Khách hàng mua đất KDC Long Thạnh Hưng	2.320.498.299
Sở NN & PTNT tỉnh Tiền Giang	1.918.284.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	1.855.574.957
Bê tông thương phẩm (nhiều đối tượng)	1.533.769.863
Khách hàng mua đất KDC đường Trương Định nối dài	974.017.111
Cty CP GTVT Kiên Giang	925.888.360
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi 10	873.515.000
BQL Các DA ngành NN & PTNT Bình Dương	800.608.750
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	786.004.502
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi 9	625.050.609
Cty CP CK và xây lắp 276	561.950.000
BQL DA công trình NN & PTNT Cà Mau	558.277.000
BQL DA 1 Sở NN & PT NT Cà Mau	531.950.000
Khách hàng mua đất KDC Mỹ Thạnh Hưng	472.750.000
Ban Quản lý DA XD CT ngành NN Đồng Tháp	411.220.600
Công ty TNHH MTV Thống Nhất	391.190.000
Công Ty CP Xây Dựng Và Kinh Doanh Vật Tư (C&T)	321.630.568
Ban Quản lý Dự Án Cải tạo kênh Ba Bò	288.483.381
Công ty TNHH MTV Tại Miền Trung & Tây Nguyên	276.408.540
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	242.358.000
Công ty TNHH Nam Sông Tiền	186.142.000
Công ty TNHH XD TM Nghĩa Cường	185.337.500
DNTN Văn Sáu	166.351.000
Công ty TNHH XD TM Hiệp Hương	153.659.675
TT Quản lý Khai thác CTTL Long An	130.845.000
DNTN Thành Công	122.320.000
Công ty TNHH Xây dựng Minh Kiều	113.235.000
Cty TNHH Hà Thành Yên	102.613.000
Ban Quản lý DA XD CT GT Đồng Tháp	50.077.000
BQL các DA Đầu tư Xây dựng TP Mỹ Tho	42.800.000
Các khách hàng khác	2.051.595.507
Cộng	41.149.622.722

(2.2) Trả trước cho các nhà cung cấp sau:

Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	1.782.910.426
Trung tâm Phát triển quỹ đất TP Mỹ Tho	100.000.000
Công ty Sagel	115.496.500
Công ty CP TV TK XD SIMON	56.000.000
Võ Trọng Kỳ	39.200.000
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	1.403.250.775
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang	247.962.000
Công ty CP Cửu Long Giang	171.015.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty TNHH MTV Phú Phú Quang	256.071.280
Các nhà cung cấp khác	1.012.252.973
Cộng	5.184.158.954

(2.3) Phải thu về cho vay ngắn hạn bao gồm:

Lê Thành Đạo	77.000.000
Phan Văn Châu	100.000.000
Cộng	177.000.000

(2.4) Phải thu ngắn hạn khác:

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	24.444.830.257
Tạm ứng cổ tức	2.999.972.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	1.874.532.133
Sở Tài chính tỉnh An Giang	416.416.000
Hồ Ngọc Thanh	14.171.326
Tạm ứng	5.611.118.739
Các khoản phải thu khác	596.838.851
Cộng	35.957.879.306

(2.5) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập theo các tỷ lệ:

Tuổi nợ	Số dư ngày 31/03/2015	Tỷ lệ trích lập	Mức dự phòng đã trích lập
Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	30%	-
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.880.228.042	50%	161.354.270
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	689.500.000	70%	547.191.708
Quá hạn trên 3 năm	5.160.630.691	100%	4.861.247.991
Cộng	7.730.358.733		5.569.793.969

3. Hàng tồn kho

	31/03/2015	01/01/2015
Nguyên vật liệu	1.350.279.537	2.567.510.622
Công cụ, dụng cụ	2.700.000	1.963.323.636
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	99.251.027.004 (*)	30.375.698.322
Hàng hóa	2.041.001.513	1.868.807.790
Cộng	102.645.008.054	36.775.340.370
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(321.986.037)	(321.986.037)
Giá trị thuần hàng tồn kho	102.323.022.017	36.453.354.333

(*) Chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình sau:

Khu dân cư Long Thành Hưng	16.827.964.043
Khu dân cư đường Trương Định nối dài	4.623.537.217
Khu nhà ở TM xã Trung An	70.671.954.701
Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng	84.948.356

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khu dân cư Sông Đốc				447.548.000
Các công trình gia công sản phẩm cơ khí				1.697.102.763
Các công trình xây dựng Thủy Lợi				4.814.505.316
Các công trình thi công Cơ Giới				83.466.608
Cộng				99.251.027.004
4. Tài sản ngắn hạn khác				
		31/03/2015		01/01/2015
Chi phí trả trước ngắn hạn		90.340.082		124.055.136
Thuế GTGT được khấu trừ		663.046.242		893.881.965
Thuế và các khoản khác phải thu NN		-		85.007.910
Cộng		753.386.324		1.102.945.011
5. Các khoản phải thu dài hạn khác				
		31/03/2015		01/01/2015
Phải thu về cho vay dài hạn		18.918.431.393 (*)		18.918.431.393
Cộng		18.918.431.393		18.918.431.393
(*) Bao gồm:				
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco				16.918.431.393
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco				2.000.000.000
Cộng				18.918.431.393
6. Tài sản cố định hữu hình				
Chỉ tiêu	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/03/2015
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.933.306.563	-	-	3.933.306.563
Máy móc, thiết bị	14.064.003.037	-	-	14.064.003.037
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8.122.434.888	-	-	8.122.434.888
Thiết bị quản lý	327.511.818	-	-	327.511.818
Cộng	26.447.256.306			26.447.256.306
Giá trị hao mòn lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.180.841.157	122.679.351	-	2.303.520.508
Máy móc, thiết bị	1.920.094.151	469.930.257	-	2.390.024.408
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.758.917.423	244.318.216	-	3.003.235.639
Thiết bị quản lý	321.274.327	2.079.168	-	323.353.495
Cộng	7.181.127.058	839.006.992		8.020.134.050
Giá trị còn lại				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chỉ tiêu	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/03/2015
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.752.465.406			1.629.786.055
Máy móc, thiết bị	12.143.908.886			11.673.978.629
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5.363.517.465			5.119.199.249
Thiết bị quản lý	6.237.491			4.158.323
Cộng	19.266.129.248			18.427.122.256

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đến ngày 31/03/2015 đã thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Công ty trị giá 13.659.770.078 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định đến ngày 31/03/2015 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.068.914.463 đồng.

7. Tài sản cố định vô hình (Phần mềm máy tính)

Chỉ tiêu	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/03/2015
Nguyên giá	350.263.800	-	-	350.263.800
Giá trị hao mòn lũy kế	58.377.300	14.594.325	-	72.971.625
Giá trị còn lại	291.886.500			277.292.175

8. Bất động sản đầu tư (Quyền sử dụng đất)

Chỉ tiêu	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/03/2015
Nguyên giá	802.108.000	-	-	802.108.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	802.108.000			802.108.000

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2015	01/01/2015
Sửa chữa lớn tài sản cố định	286.963.872	285.083.295
Cộng	286.963.872	285.083.295

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2015		01/01/2015
Đầu tư vào công ty con	77.519.345.695	(10.1)	77.519.345.695
Đầu tư vào công ty liên kết	260.000.000	(10.2)	260.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(14.317.346.526)	(10.3)	(14.020.456.153)
Cộng	63.461.999.169		63.758.889.542

(10.1) Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 31/03/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ quyền sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
--------------------	-----------------------------------	-----------------------------	---------------------------	-------------------------------	------------------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	38.000.000.000	100,00%	100,00%	Sản xuất kinh doanh bê tông
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	25.000.000.000	100,00%	100,00%	Thi công công trình
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	14.519.345.695	75,42%	75,42%	Thi công công trình
Cộng		77.519.345.695			

(10.2) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/03/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ quyền sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Testco	KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	260.000.000	20,00%	20,00%	Kiểm định, thử nghiệm chất lượng công trình

(10.3) Bao gồm:

Khoản dự phòng cho khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO là 14.020.456.153 đồng.

Khoản dự phòng cho khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang là 296.890.373 đồng

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/03/2015
Công cụ, dụng cụ	658.778.694	1.939.931.395	100.480.938	2.498.229.151
Chi phí sửa chữa	177.040.371	167.773.377	-	344.813.748
Cộng	835.819.065	2.107.704.772	-	2.843.042.899

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Số dư đầu kỳ	5.172.382.378	5.893.068.400
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ		
Chuyển sang chi phí trong kỳ	(65.290.361)	(720.686.022)
Số dư cuối kỳ	5.107.092.017	5.172.382.378

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Nợ ngắn hạn

	31/03/2015		01/01/2015
Phải trả người bán ngắn hạn	28.613.245.805	(13.1)	50.122.415.378
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	32.588.166.250	(13.2)	39.194.157.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.590.741.334	(13.3)	2.657.541.905
Phải trả người lao động	2.197.369.233		2.837.296.105
Chi phí phải trả ngắn hạn	29.086.379.013	(13.4)	30.889.864.787
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	686.590.909		
Phải trả ngắn hạn khác	3.082.859.368	(13.5)	3.042.747.983
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	86.810.867.861	(13.6)	14.144.618.537
Dự phòng phải trả ngắn hạn	596.526.771	(13.7)	574.511.280
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	560.009.557		1.662.206.797
Cộng	186.812.756.101		145.125.359.772
(13.1) Phải trả người bán ngắn hạn:			
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO			20.337.058.887
Công ty CP Đầu tư và XD TICCO An Giang			2.314.865.026
Công ty cổ phần Xây dựng 43			1.370.280.057
Công ty CP XD và DV An Phú Cường			511.572.999
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp 276			637.216.000
Công ty TNHH XD Điện Nước Thiên Việt			267.815.690
Công ty CP Công nghệ CN Intec			300.853.333
Công ty CP ĐT XD TL Lâm Đồng			269.500.446
Công ty Nạo vét Đường thủy 2			182.461.000
DNTN XD và DV Dương Thu Sơn			101.318.000
CTY TNHH TM - DV Lê Phúc			53.500.000
DNTN Sáu Thành Đạt			339.055.999
Công ty TNHH Xây dựng Phúc Thành			251.905.650
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco			166.168.888
Các nhà cung cấp khác			1.509.673.830
Cộng			28.613.245.805
(13.2) Chủ yếu là khoản người mua trả tiền trước sau:			
BQL DA Chuyên ngành NN và PTNT tỉnh Bến Tre			20.088.000.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thủy lợi 10			5.117.000.000
Khách hàng ứng trước tiền mua đất KDC Mỹ Thạnh Hưng			120.000.000
Khách hàng ứng trước tiền mua đất KDC Trương Định nổi dài			2.202.648.750
Ban QLDA Công trình NN&PTNT Cà Mau			2.925.000.000
Công ty CP XD TM Thới Bình			970.460.000
Ban QL các DA ĐT và XD Công Trình Giao Thông Tiền Giang			900.000.000
Khách hàng ứng trước tiền mua đất KDC Long Thạnh Hưng			86.286.500

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khách hàng khác	178.771.000
Cộng	32.588.166.250
(13.3) Bao gồm:	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.491.642.609
Thuế thu nhập cá nhân	99.098.725
Cộng	2.590.741.334
(13.4) Bao gồm các khoản chi phí trích trước sau:	
Chi phí ước tính KDC Trương Định giai đoạn 2	25.645.993.845
Trích trước chi phí sản xuất các công trình	1.641.924.074
Chi phí ước tính KDC Mỹ Thạnh Hưng	1.754.461.094
Các khoản chi phí phải trả khác	44.000.000
Cộng	29.086.379.013
(13.5) Các khoản phải trả sau:	
Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	1.721.032.989
Hoa hồng bán hàng	484.779.174
Hoán đổi nền đất dự án Khu dân cư đường Trương Định nối dài	278.999.998
Phải trả về cổ phần hóa	176.790.020
Lãi góp vốn Khu dân cư đường Trương Định nối dài	173.838.958
Công ty Cổ phần Testco	13.186.591
Các chi phí phải trả khác	234.231.638
Cộng	3.082.859.368
(13.6) Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/433488/HĐTD ngày 06/08/2014	
– Hạn mức tín dụng tối đa: 20.000.000.000 đồng;	
– Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi và thi công các công trình;	
– Lãi suất: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;	
– Thời hạn vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể;	
– Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/433488/HĐBĐ ngày 06/08/2014; - tài sản thế chấp theo giá trị định giá của ngân hàng là 8.666.128.013 đồng theo Biên bản định giá ngày 06/08/2014 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2014/433488/HĐBĐ ngày 06/08/2014; - thế chấp Quyền sử dụng đất thuê tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P.9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.	
– Số dư tại ngày 31/03/2015 theo các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể sau:	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Số tiền	Thời hạn vay	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Số dư tại ngày 31/03/2015
1	HĐ:47/2014	02/12/2014	293.010.580	5	04/05/2015	6	293.010.580
2	HĐ:48/2014	04/12/2014	1.308.959.553	5	04/05/2015	6	1.308.959.553
3	HĐ:49/2014	05/12/2014	367.300.713	5	05/05/2015	6	367.300.713
4	HĐ:50/2014	05/12/2014	272.936.998	5	05/05/2015	6	272.936.998
5	HĐ:51/2014	08/12/2014	182.812.873	5	08/05/2015	6	182.812.873
6	HĐ:52/2014	10/12/2014	252.198.916	5	10/05/2015	6	252.198.916
7	HĐ:53/2014	12/12/2014	154.499.520	5	12/05/2015	6	154.499.520
8	HĐ:54/2014	19/12/2014	129.283.440	5	19/05/2015	6	129.283.440
9	HĐ:55/2014	24/12/2014	251.833.000	5	24/05/2015	6	251.833.000
10	HĐ:56/2014	26/12/2014	145.105.610	5	26/05/2015	6	145.105.610
11	HĐ:57/2014	29/12/2014	596.594.275	5	29/05/2015	6	596.594.275
12	HĐ:58/2014	30/12/2014	261.745.000	5	30/05/2015	6	261.745.000
13	HĐ:01/2015	09/01/2015	1.257.054.830	6	09/07/2015	7	1.257.054.830
14	HĐ:02/2015	20/01/2015	732.474.305	6	20/07/2015	7	732.474.305
15	HĐ:03/2015	03/02/2015	1.385.352.239	6	03/08/2015	7	1.385.352.239
16	HĐ:04/2015	06/02/2015	346.956.503	6	06/08/2015	7	346.956.503
17	HĐ:05/2015	06/02/2015	595.100.000	6	06/08/2015	7	595.100.000
18	HĐ:06/2015	10/02/2015	278.652.320	6	10/08/2015	7	278.652.320
19	HĐ:07/2015	11/02/2015	590.141.036	6	11/08/2015	7	590.141.036
20	HĐ:08/2015	11/02/2015	654.251.550	6	11/08/2015	7	654.251.550
21	HĐ:09/2015	13/02/2015	446.886.326	6	13/08/2015	7	446.886.326
22	HĐ:10/2015	03/03/2015	63.580.970	6	03/09/2015	7	63.580.970
23	HĐ:11/2015	09/03/2015	250.676.568	6	09/09/2015	7	250.676.568
24	HĐ:12/2015	11/03/2015	246.050.000	6	11/09/2015	7	246.050.000
25	HĐ:13/2015	17/03/2015	831.279.986	6	17/09/2015	7	831.279.986
26	HĐ:14/2015	25/03/2015	420.316.500	6	25/09/2015	7	420.316.500
27	HĐ:15/2015	31/03/2015	1.113.934.250	6	30/09/2015	7	1.113.934.250
Tổng			13.428.987.861				13.428.987.861

- Số phải trả trong vòng 12 tháng của khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với mục đích mua sắm tài sản cố định: 210.000.000 đồng

- Ngoài ra, Công ty còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2014/433488/HĐBL ngày 6 tháng 8 năm 2014 với hạn mức bảo lãnh là 110.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng kể từ ngày 6 tháng 8 năm 2014. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty còn thế chấp quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.2) và ký quỹ 5%/số tiền bảo lãnh tương đương 5.500.000.000 VND để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, số dư bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cho Công ty là **85.448.781.035 VND**.

- Vay các cá nhân với số tiền: **73.171.880.000 VND**

(13.7) Dự phòng chi phí bảo hành công trình như sau:

	<u>Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014</u>
Số dư đầu kỳ	574.511.280	564.130.711
Trích lập trong kỳ	36.684.816	237.666.194
Sử dụng trong kỳ	-	(57.078.531)
Hoàn nhập trong kỳ	(14.669.325)	(170.207.094)
Số dư cuối kỳ	<u>596.526.771</u>	<u>574.511.280</u>

14. Nợ dài hạn

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19.533.780.000 (*)	3.021.000.000
Cộng	<u>19.533.780.000</u>	<u>3.021.000.000</u>

(*) Bao gồm các khoản vay tại các ngân hàng theo các hợp đồng sau:

- ❖ Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 11/04/2013
 - Hạn mức vay: 840.000.000 đồng.
 - Mục đích vay: Mua máy đào Kobelco.
 - Thời hạn vay: 60 tháng.
 - Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm.
 - Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2013/HĐ ngày 11/04/2013. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2013/HĐ ngày 11/04/2013. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2013/HĐ ngày 11/04/2013.
 - **Số dư tại ngày 31/03/2015 là 407.000.000 đồng.** Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn): 126.000.000 đồng
- ❖ Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐ ngày 10/06/2013
 - Hạn mức vay: 560.000.000 đồng.
 - Mục đích vay: Mua máy chần tole Komatsu.
 - Thời hạn vay: 60 tháng.
 - Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm.
 - Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/2013/HĐ ngày 10/06/2013. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2013/HĐ ngày 11/04/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

đồng thế chấp bất động sản số 03/2013/HĐ ngày 10/06/2013. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2013/HĐ ngày 11/04/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2013/HĐ ngày 10/06/2013.

- **Số dư tại ngày 31/03/2015 là 280.000.000 đồng.** Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn): 84.000.000 đồng
- ❖ Khoản vay tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0282/15/TD/XXVI ngày 10/02/2015
 - Hạn mức vay: 45.000.000.000 đồng
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Bao gồm chi phí bồi thường, giải tỏa, thực hiện dự án) theo Giấy chứng nhận đầu tư số 53121000175 do UBND tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/01/2014
 - Thời hạn vay: 48 tháng
 - Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng
 - Khoản tín dụng được đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0282/15/TC/XXVI ngày 10/02/2015; Giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang với tổng diện tích 15.323,1 m² có giá trị 26.771.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp ngày 10 tháng 02 năm 2015.
 - **Số dư tại ngày 31/03/2015 là 18.846.780.000 đồng**

15. Vốn chủ sở hữu

(15.1) Tình hình vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2014	80.000.000.000	10.700.000.000	47.815.710.638	14.529.191.908	153.044.902.546
Tăng trong năm trước	20.000.000.000	-	674.080.423	24.279.568.712	44.953.649.135
Giảm trong năm trước	-	-	(20.000.000.000)	(13.887.425.185)	(33.887.425.185)
Số dư tại ngày 31/12/2014	100.000.000.000	10.700.000.000	28.489.791.061	24.921.335.435	164.111.126.496
Số dư tại ngày 01/01/2015	100.000.000.000	10.700.000.000	28.489.791.061	24.921.335.435	164.111.126.496
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	10.118.869.606	10.118.869.606
Tăng khác trong kỳ	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2015	100.000.000.000	10.700.000.000	28.489.791.061	35.040.205.041	174.229.996.102

(15.2) Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/03/2015, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.

(15.3) Cổ phiếu

	31/03/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
1.1. Tổng doanh thu	31.245.524.404	21.606.214.775
- Doanh thu xây dựng	15.368.908.430	8.056.805.779
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	8.308.912.191	4.384.194.172
- Doanh thu bán vật liệu xây dựng	2.827.756.044	3.580.640.204
- Doanh thu Xí nghiệp Cơ khí	3.899.077.886	5.584.574.620
- Doanh thu Xí nghiệp thi công Cơ Giới	840.869.853	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.539.091	-
- Giảm giá hàng bán	1.539.091	-
Doanh thu thuần	31.243.985.313	21.606.214.775
- Doanh thu xây dựng	15.368.908.430	8.056.805.779
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	8.308.912.191	4.384.194.172

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
- Doanh thu bán vật liệu xây dựng	2.827.756.044	3.580.640.204
- Doanh thu Xí nghiệp Cơ khí	3.897.538.795	5.584.574.620
- Doanh thu Xí nghiệp thi công Cơ Giới	840.869.853	-
1.2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.494.420.193	4.785.986.670
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	340.291.340	328.260.446
- Lãi cho vay	74.508.578	119.999.660
- Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	11.700.000	17.033.446
- Cổ tức, lợi tức được chia từ các công ty con	8.067.860.301	4.320.693.118
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	59.974	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
1.3. Thu nhập khác	50.662.815	93.932.116
- Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	-	60.252.959
- Thu nhập từ xử lý công nợ	750	-
- Thu nhập từ cho thuê xe	35.992.740	-
- Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	14.669.325	-
- Thu nhập khác	-	33.679.157
2. Giá vốn hàng bán		
	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Giá vốn xây dựng	14.464.852.595	7.854.911.961
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.850.575.638	1.552.864.340
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	2.400.885.077	3.036.539.296
Giá vốn xí nghiệp cơ khí	3.406.326.849	4.781.229.382
Giá vốn xí nghiệp thi công Cơ giới	1.626.479.946	-
Cộng	24.749.120.105	17.225.544.979
3. Chi phí tài chính		
	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Chi phí lãi vay	240.991.963	69.765.327
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	296.890.373	4.199.615.372
Chênh lệch tỷ giá	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cộng	537.882.336	4.269.380.699
4. Chi phí bán hàng		
	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Chi phí nhân viên	165.391.607	148.078.756
Chi phí vật liệu, bao bì	156.647.571	216.801.713
Chi phí dụng cụ đồ dùng	560.182	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.653.718	34.653.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.754.225	6.151.398
Chi phí bằng tiền khác	74.821.633	46.420.982
Cộng	437.828.936	452.106.569
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Chi phí nhân viên quản lý	1.497.212.413	1.046.897.300
Chi phí vật liệu quản lý	49.599.233	65.675.410
Chi phí đồ dùng văn phòng	74.020.726	63.623.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	202.622.752	175.952.246
Thuế, phí và lệ phí	49.673.154	78.627.267
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.159.451	99.049.309
Chi phí bằng tiền khác	850.873.406	399.771.963
Cộng	2.891.161.135	1.929.596.844
6. Chi phí khác		
	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Chi phí khác	35.282.520	-
Cộng	35.282.520	-
7. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		-
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	65.290.361	-
Cộng	65.290.361	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.118.869.606	2.244.741.483
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	10.118.869.606	2.244.741.483
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.012	224

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	15.202.970.230	11.800.112.965
Chi phí nhân viên	5.179.675.929	3.948.700.864
Chi phí khấu hao	859.250.405	554.932.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.215.232.465	726.313.280
Chi phí bằng tiền khác	1.799.587.308	1.138.980.008
Cộng	25.256.716.338	18.169.039.522

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các bên liên quan

1.1. Chi tiết giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015 với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
BÁN			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Lãi cho vay	42.296.078
		Bán vật liệu xây dựng	1.772.398.316
		Gia công công trực dầm đôi, gờ âm dương	1.167.697.900
		Thuê thiết bị	107.310.464
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Điện sản xuất	2.953.762
		Gia công cơ khí	
		Bán vật liệu xây dựng	229.654.545
		Hồ sơ thầu	96.438.956
		Lãi cho vay	30.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
		Thuê thiết bị	403.157.953
MUA			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Bê tông đúc sẵn	1.033.580.932
		Bê tông tươi	336.585.724
		Cấp vật liệu	45.192.436
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Khối lượng công trình nghiệm thu	4.238.801.818
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tico An Giang	Công ty con	Khối lượng công trình nghiệm thu	811.785.714

1.2. Chi tiết số dư tại ngày 31/03/2015 với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 31/03/2015
PHẢI THU			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Phải thu lợi nhuận 2014	17.283.541.849
		Bán vật liệu xây dựng	1.611.718.957
		Phải thu lợi nhuận 2015	7.118.992.330
		Lãi vay	42.296.078
		Cho vay dài hạn	16.918.431.393
		Trả trước cho người bán	1.403.250.775
		Phải thu khác	297.664.700
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Phải thu ngắn hạn khác	530.135.364
		Phải thu gia công sản phẩm cơ khí	3.249.138
		Trả trước cho người bán	1.782.910.426
		Bán vật liệu xây dựng	352.620.000
		Lợi nhuận 2015	948.867.971
		Cho vay dài hạn	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Phải thu nhượng bán tài sản	1.624.057.600
		Trả trước cho người bán	247.962.000
PHẢI TRẢ			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Phải trả tiền mua bê tông đúc sẵn	215.880.568
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Phải trả khối lượng công trình, tài sản	20.352.438.791
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Phải trả khối lượng công trình	2.314.865.026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 31/03/2015
		Phải trả khác	85.832.000

2. Thuyết minh phân loại lại số dư tại ngày 01/01/2015 trên Bảng Cân Đối Kế Toán do thay đổi quy định về chế độ Kế toán doanh nghiệp

STT	Số dư theo QĐ 15			Số dư chuyển đổi theo TT200		
	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
1	Đầu tư ngắn hạn	121	177.000.000	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	177.000.000
2	Các khoản phải thu khác	135	23.290.318.440	Phải thu ngắn hạn khác	136	27.004.869.901
	Tài sản ngắn hạn khác	158	3.755.551.461	Tài sản ngắn hạn khác	155	-
				Tài sản thiếu chờ xử lý	139	41.000.000
	Mã số (158) theo QĐ 15 tách Tài sản thiếu chờ xử lý mã số (139) số tiền 41.000.000 đưa vào mã số (139) theo TT200; còn lại mã số (158) theo QĐ 15 số tiền : 3.714.551.461 + mã số (135) đưa vào mã số (136) TT200 số tiền 27.004.869.901					
3	Đầu tư dài hạn khác	258	18.918.431.393	Phải thu về cho vay dài hạn	215	18.918.431.393
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	285.083.295	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	285.083.295
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(14.020.456.153)	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(14.020.456.153)
6	Vay và nợ ngắn hạn	311	14.144.618.537	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14.144.618.537
7	Phải trả người bán	312	50.087.891.603	Phải trả người bán ngắn hạn	311	50.087.891.603
8	Người mua trả tiền trước	313	39.194.157.000	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	39.194.157.000
9	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	2.657.541.905	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	2.657.541.905
10	Phải trả người lao động	315	2.837.296.105	Phải trả người lao động	314	2.837.296.105
11	Chi phí phải trả	316	30.810.859.241	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	30.810.859.241
12	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	574.511.280	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	574.511.280
13	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	1.662.206.797	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.662.206.797
14	Vay và nợ dài hạn	334	3.021.000.000	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	3.021.000.000
15	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	100.000.000.000	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	100.000.000.000
16	Quỹ đầu tư phát triển	417	20.724.043.436	Quỹ đầu tư phát triển	418	28.489.791.061
	Quỹ dự phòng tài chính	418	7.765.747.625			
Mã số (417) + Mã số (418) QĐ 15 đưa vào Mã số 418 TT200						
17	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	24.921.335.435	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24.921.335.435

3. Số liệu so sánh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán, số liệu này đã được phân loại lại một số chỉ tiêu để phù hợp với quy định lập báo cáo tài chính. Số liệu quý I năm 2015 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ được so sánh với số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ quý I năm 2014.

Tiền Giang, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ MINH THU

Kế toán trưởng



LÊ MỸ PHƯỢNG

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN